

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNST.

Ngày: 08/8/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà Võ Thị Nhu – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HN ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Ngọc H**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp Thới H, xã Đông H, huyện Cờ Đ thành phố CT.

Địa chỉ liên hệ: 474, khu vực Thạnh H, phường PT, quận CR, thành phố CT.
(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Mã Thanh V**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 474, khu vực Thạnh H, phường PT, quận CR, thành phố CT.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mã Thanh V quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 09 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HP, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137/2017, ngày 22/12/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng ngày càng phai

nhật, ông V còn có bạo vi bạo lực gia đình nên tôi không thể tiếp tục chung sống với ông Việt được nữa vì hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn ông Mã Thanh V.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Mã Khánh N (nữ), sinh ngày 01/3/2017 và Mã Khánh A (nữ), sinh ngày 03/6/2019. Nguyên đơn xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Mã Thanh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét.

Do Tòa án không tiến hành hòa giải được nên tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản thay đổi ý kiến nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Mã Thanh Việt vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HP, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137/2017, ngày 22/12/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình để được xem xét. Điều đó cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Mã Khánh N (nữ), sinh ngày 01/3/2017 và cháu Mã Khánh A (nữ), sinh ngày 03/6/2019. Nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Xét thấy, nguyên đơn có đủ điều kiện để nuôi con và hiện cháu N và cháu A cũng đang chung sống với bà H nên để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của cháu N và cháu A nên việc giao con chung cho bà Dương Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Mã Thanh V theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003439 ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị Ngọc H được ly hôn với ông Mã Thanh V.
3. *Về con chung*: Bà Dương Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mã Khánh N (nữ), sinh ngày 01/3/2017 và cháu Mã Khánh A (nữ), sinh ngày 03/6/2019 đến khi cháu N và cháu A đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Mã Thanh V theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.
4. *Về tài sản chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự yêu cầu.
5. *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
6. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003439 ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.
7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân